BIẾN ĐỘNG CÁC CHỈ SỐ

Tổng quan thị trường	HSX	HNX
Giá trị đóng cửa	1.229,55	280,07
Thay đổi (%)	0,80%	0,54%
KLGD (triệu CP)	612,69	92,93
GTGD (tỷ VND)	15.409,99	2.003,28
Số CP tăng giá	280	133
Số Cp đứng giá	46	56
Số Cp giảm giá	128	78

Chỉ số tài chính	HSX	HNX
PB (lần)	2,53	1,68
PE (lần)	17,78	16,37
Hệ số Beta	0,99	1,01
ROE (%)	16,24%	22,17%
ROA (%)	6,00%	7,35%

Giao dịch thỏa thuận	HSX	HNX
Khối lượng (triệu CP)	23,36	11,16
GTGD (tỷ VNĐ)	1.193,62	298,84

Giao dịch NĐT NN	HOSE	HNX
Giá trị mua (tỷ VNĐ)	1.801,73	08,28
Giá trị bán (tỷ VNĐ)	1.408,79	05,96
GTGD ròng (tỷ VNĐ)	392,94	02,33
Tổng GTGD (tỷ VNĐ)	295,27	

Chỉ số HĐTL	Đóng cửa	+/-
VN30-Index	1.294,06	10,25
VN30F2104	1.275,00	10,00
VN30F2105	1.270,10	03,10
VN30F2106	1.262,00	03,00
VN30F2109	1.262,60	03,20

Thị trường thế giới	Đóng cửa	(%)
DJI *	33.984,93	0,01%
S&P 500 *	4.186,72	0,02%
DAX *	15.249,27	0,31%
FTSE 100 *	6.944,97	0,26%
Nikkei 225	29.053,97	0,21%
Hang Seng	29.008,62	0,37%

** Các chỉ số lấy giá trị phiên liền trước*

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHUYẾN NGHỊ 28/04/2021

VẪN CÒN NHIỀU SỰ LO ÂU

Diễn biến thị trường:

Tiếp nối đà hồi phục ngày hôm qua, thị trường mở cửa trong sắc xanh nhẹ của các cổ phiếu. Mặc dù vậy tâm lý thận trọng vẫn đang bao trùm toàn thị trường khiến các giao dịch diễn ra trong một không khí ảm đạm, dòng tiền chỉ chảy vào một cách nhỏ giọt. Điểm tích cực là lực cung đã có phần suy yếu so với các phiên giao dịch trước do nhiều cổ phiếu đã giảm khá nhiều trong thời gian qua, đặc biệt là các cổ phiếu Midcap và Penny. Điều này giúp chỉ số hồi phục tương đối dễ dàng và có lúc tăng gần 10 điểm so với ngày hôm qua. Trong khi phiên sáng diễn ra tương đối yên bình thì diễn biến về cuối phiên chiều khá kịch tính. VN-Index bất ngờ bị "đạp" mạnh về sát mốc tham chiếu ở gần cuối phiên, nhưng cũng rất nhanh sau đó chỉ số đã lấy lại được đà tăng sau phiên ATC. Kết phiên giao dịch ngày 28/04, VN-Index tăng 9,8 điểm lên mốc 1.229,55 điểm.

Sắc xanh lan tỏa trên toàn thị trường với hơn 280 mã tăng giá trong khi số mã giảm giá chỉ là 128. Cổ phiếu của những nhóm ngành thị trường như ngân hàng, chứng khoán, bất động sản, dầu khí đều chứng kiến một phiên giao dịch tích cực. Đặc biệt là các cổ phiếu ngân hàng, đây là động lực chính dẫn dắt đà hồi phục của thị trường trong phiên hôm nay. STB, VPB, VIB, KLB… là những cái tên bứt phá mạnh nhất bằng mức tăng ấn tượng. NVL vẫn đang là cái tên sáng giá nhất trong nhóm cổ phiếu bất động sản khi tăng thêm 5,3%. Các nhóm ngành khác cũng hưởng ứng với đà tăng của thị trường. Đặc biệt là hai nhóm ngành dệt may và thủy sản, sắc xanh gần như hiện diện trên hầu hết các cổ phiếu của hai nhóm ngành này.

Dư địa của những phiên giảm điểm trước khiến cho các quyết định đặt lệnh của nhà đầu tư trở nên khó khăn, đặc biệt là ở trong vị thế mua. Dòng tiền chỉ chảy vào một cách nhỏ giọt mà chưa có sự bùng nổ như trước đây, thanh khoản giao dịch trên HSX chỉ dừng lại ở mức 15.410 tỷ. Giao dịch của các nhà đầu tư nước ngoài vẫn đang là điểm sáng trên thị trường, họ mua ròng thêm 395,27 tỷ trên cả hai sàn và đây đã là phiên mua ròng thứ 4 liên tiếp của họ. Các mã được mua ròng nhiều nhất hôm nay là VHM (+185,97 tỷ), STB (+139,16 tỷ) và MSN (+101,49 tỷ).

KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ:

Thị trường có thêm phiên hồi phục thứ hai và tình hình đã được cải thiện hơn so với phiên hồi phục trước. Đó là việc sắc xanh đã có sự lan tỏa trên toàn thị trường từ khắp các nhóm ngành cũng như các nhóm cổ phiếu Bluechip, Midcap và Penny. Mặc dù vậy tâm lý thận trọng vẫn đang bao trùm toàn thị trường, thể hiện qua mức thanh khoản giao dịch chỉ đạt hơn 15 tỷ trên HSX. Khả năng điều này sẽ tiếp tục diễn ra và VN-Index sẽ khó lấy lại các phiên giao dịch trên 20 nghìn tỷ cho đến khi xu hướng tăng trở nên rõ ràng hơn. Nhìn chung thị trường vẫn đang trong giai đoạn nhạy cảm và các rủi ro vẫn còn đang hiện hữu. Hầu như các quan điểm về thị trường của chúng tôi không có sự thay đổi sau phiên giao dịch ngày hôm nay. Chúng tôi giữ nguyên khuyến nghị nhà đầu tư tạm thời ngưng mở các vị thế mua mới, quan sát và chờ đợi các tín hiệu tiếp theo của thị trường.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CHUYÊN SÂU VNINDEX

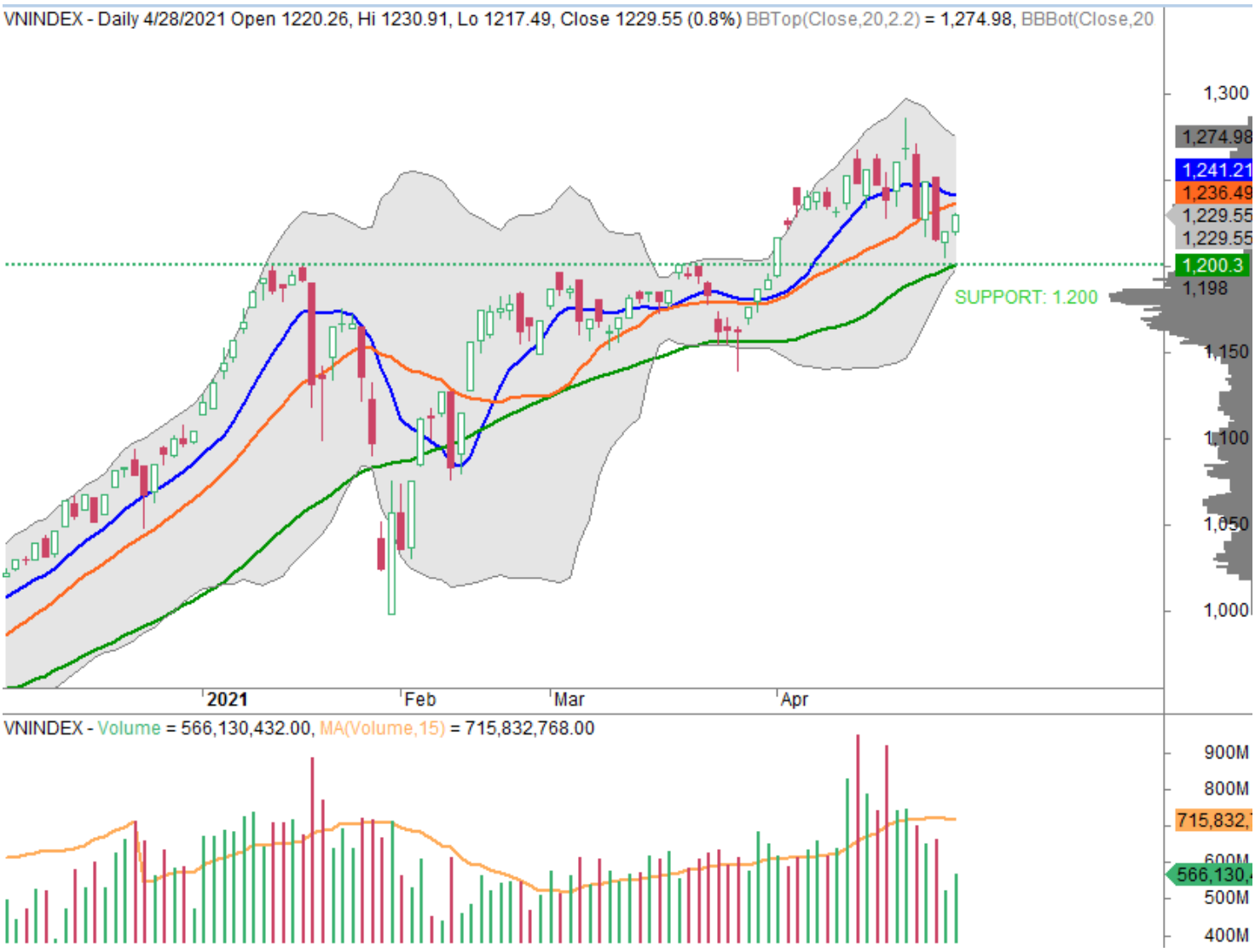

Chỉ báo/Chỉ số	Chỉ báo ngắn hạn	Chỉ báo/Chỉ số	Chỉ báo Trung hạn
Stochastic	TIÊU CỰC	**MACD**	TIÊU CỰC
Volume	TIÊU CỰC	**MA20**	TIÊU CỰC
MA Ngắn hạn	TIÊU CỰC	**MA50**	TÍCH CỰC
Trend Ngắn hạn	TRUNG LẬP	**Trend Trung hạn**	TÍCH CỰC

<u>Phân tích kỹ thuật:</u>

VN-Index đóng cửa bằng một cây nến xanh nhưng chưa thể vượt qua được ½ cây nến giảm đầu tuần, nên ảnh hưởng tiêu cực từ cây nến này vẫn được giữ nguyên. Lực cầu của 2 phiên hồi phục là tương đối yếu ớt chính trong khi áp lực của bên bán là vẫn hiện hữu.

Các chỉ báo kỹ thuật vẫn đang nghiên về tín hiệu tiêu cực trong ngắn hạn nhiều hơn là tích cực. Mặc dù vậy, chúng tôi giữ nguyên quan điểm VN-Index khả năng sẽ tiếp tục vận động trong xu hướng sideway trong vùng 1.200 – 1.250 điểm.

GIAO DỊCH NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHỈ SỐ ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG

Giao dịch tự doanh ròng - Ngày

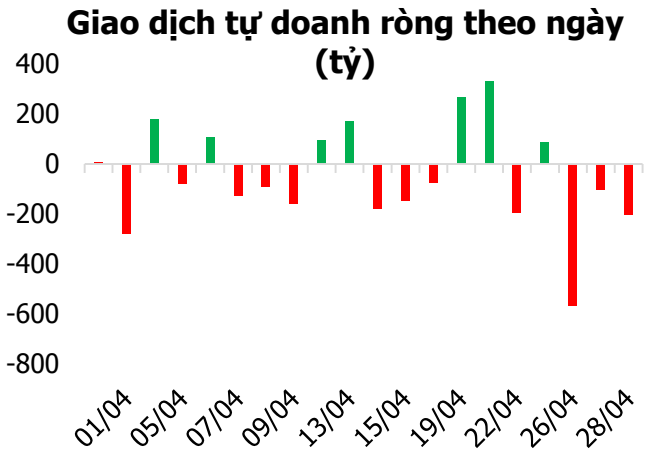

Giá trị giao dịch ròng của nhà đầu tư - Ngày

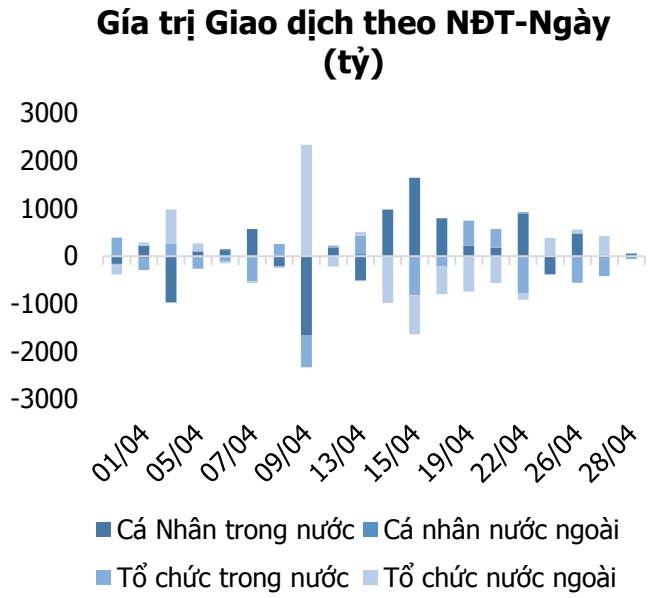

Vn-inden – P/E lịch sử

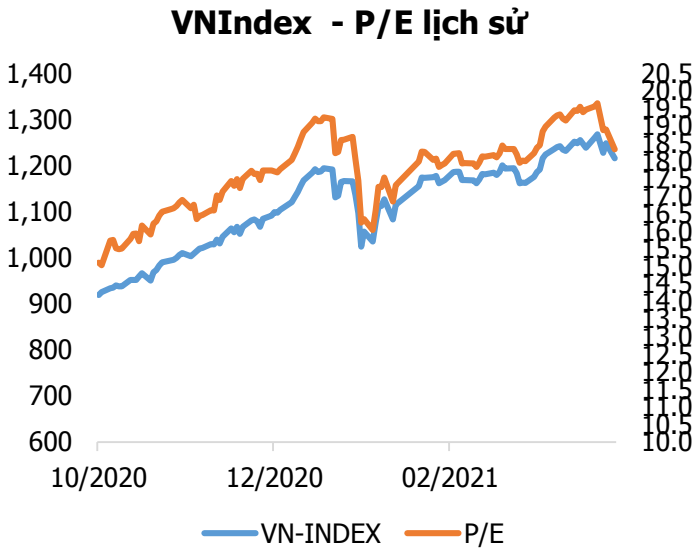

Hn-index – P/E lịch sử

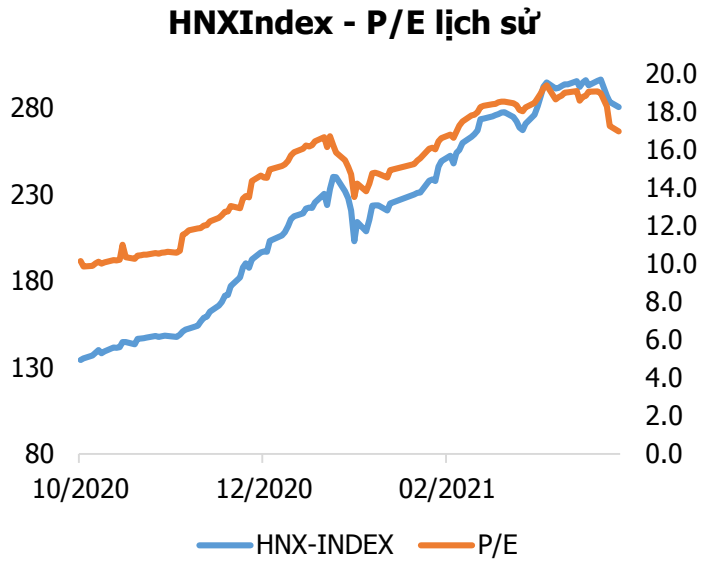

TOP MUA TỰ DOANH

Top mua		
Mã CP	**Khối lượng**	**Giá trị (Tỷ đồng)**
LPB	1,469,200	30.15
ACB	479,900	16.22
MWG	80,600	11.30
GMD	331,400	11.17
VIB	180,800	9.89

TOP BÁN TỰ DOANH

Top bán		
Mã CP	**Khối lượng**	**Giá trị (Tỷ đồng)**
VHM	-469,200	-47.20
VRE	-1,208,900	-37.86
VPB	-660,400	-35.37
TCB	-806,600	-32.09
KBC	-750,100	-27.52

(Nguồn: Fiinpro, CSI tổng hợp và tính toán)

GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 phiên gần nhất (tỷ vnđ)

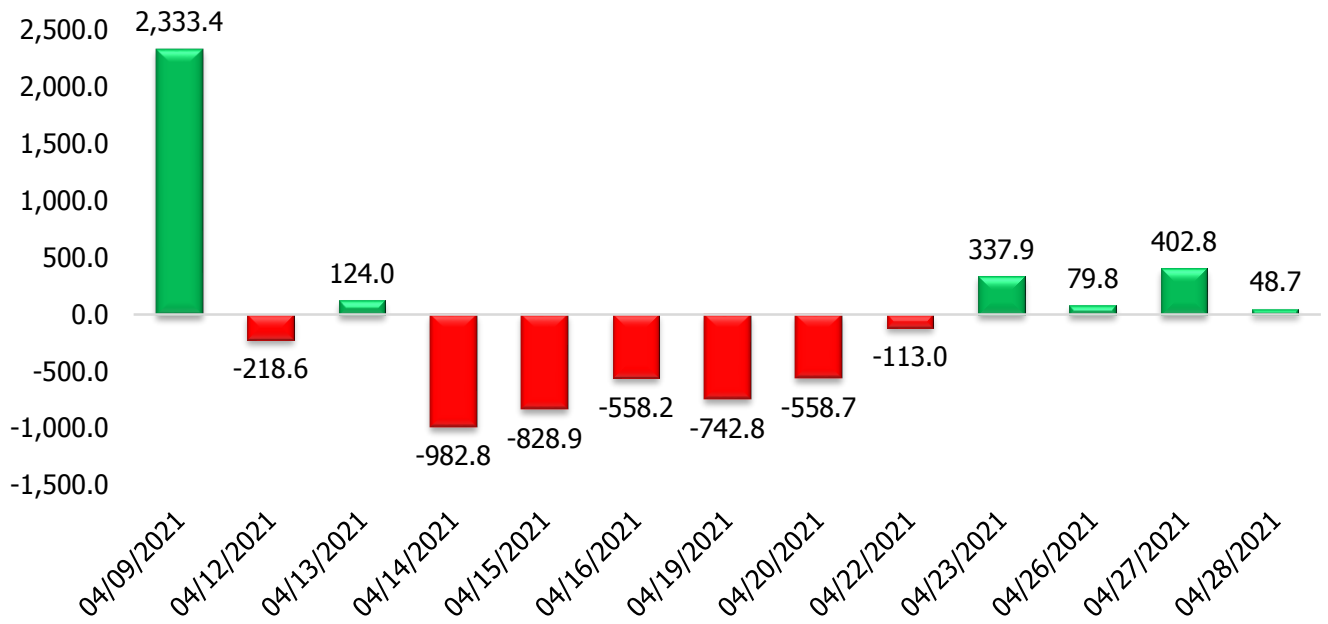

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 6 tuần gần nhất (tỷ vnđ)

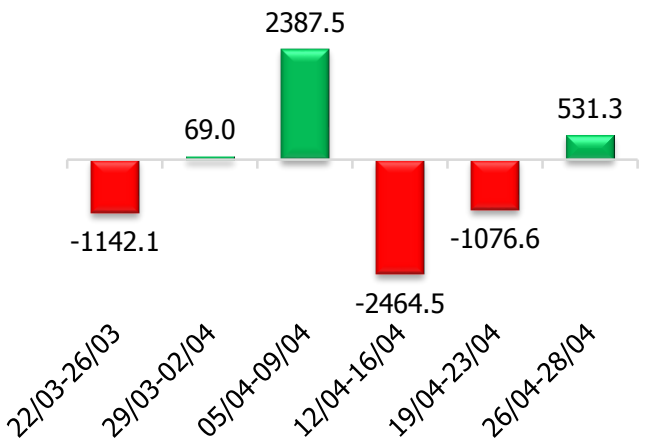

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 6 tháng gần nhất (tỷ vnđ)

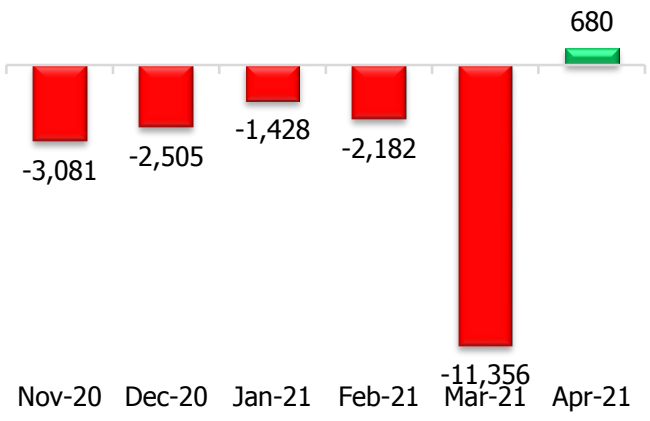

HOSE TOP MUA-BÁN RÒNG

Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	**Giá trị (Tỷ đồng)**	**Mã CP**	**Giá trị (Tỷ đồng)**
VHM	185.75	VNM	-68.74
STB	139.57	VRE	-46.67
MSN	101.52	HPG	-45.48
NVL	63.01	VPB	-42.37
HDB	33.86	HSG	-26.76

HNX TOP MUA-BÁN RÒNG

Top mua ròng			
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
VCS	1.23	VND	-1.30
PVS	0.95	KLF	-0.78
TVC	0.71	BVS	-0.43
ACM	0.48	ART	-0.19
WCS	0.40	SHS	-0.15

NHÓM NGÀNH

Biến động giá theo ngành

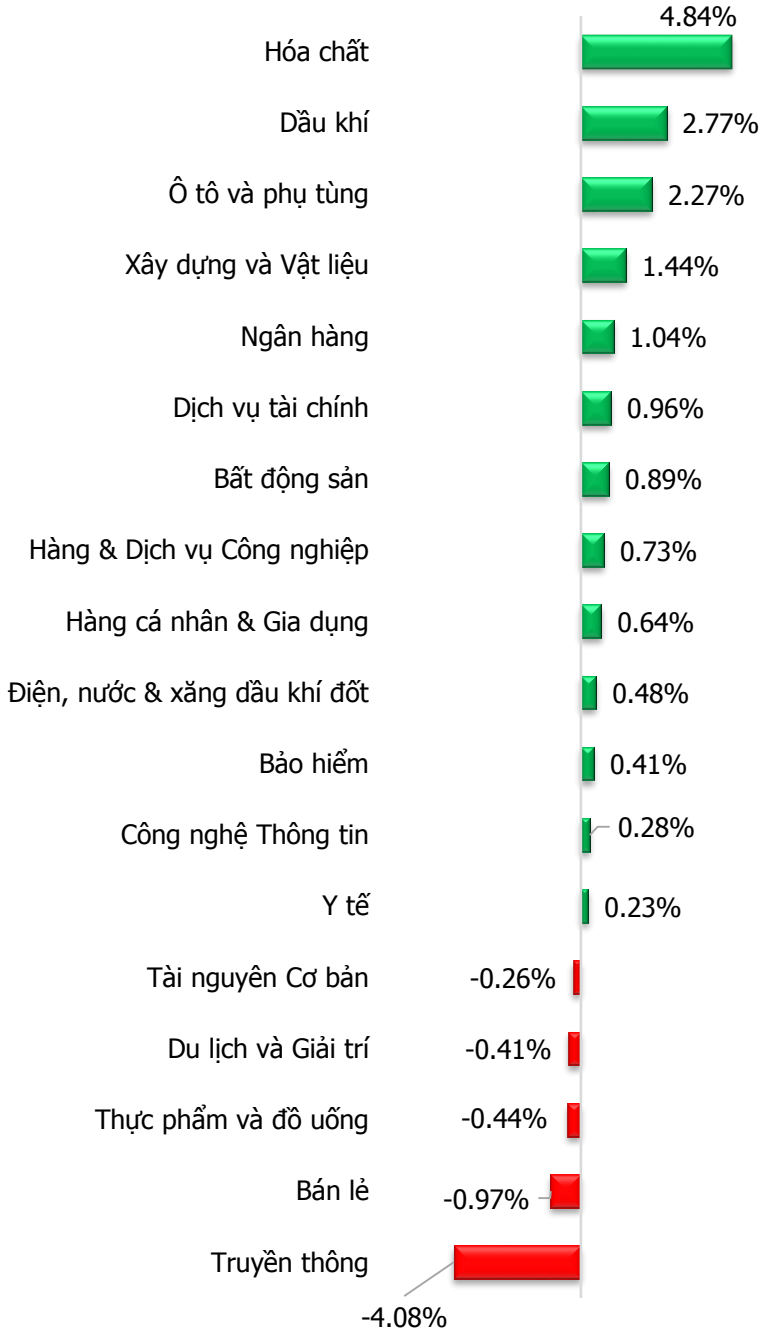

Giá trị giao dịch theo ngành (tỷ đồng)

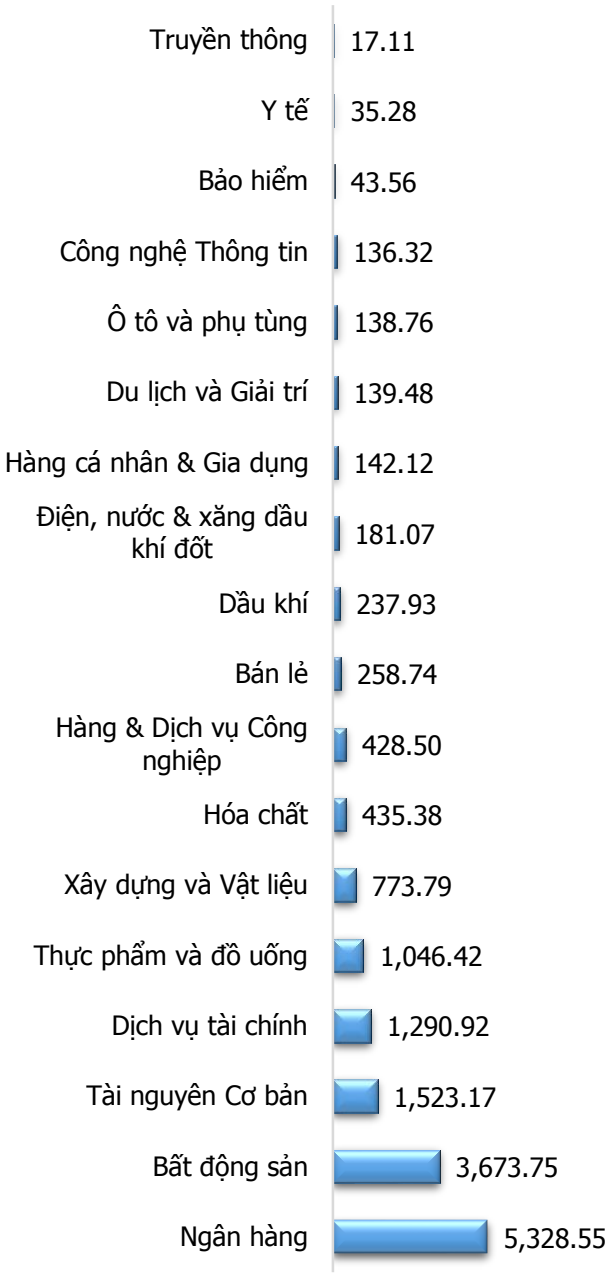

(Nguồn: Fiinpro)

NHÓM CÁC CỔ PHIẾU CÓ GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

HOSE TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SVC	85,600	5,600	7.00%	100
FUCVREIT	31,350	2,050	7.00%	2,000
HAX	25,250	1,650	6.99%	1,534,200
CRE	37,650	2,450	6.96%	2,281,800
TTF	7,530	490	6.96%	2,102,800

HNX TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SHN	8,800	800	10.00%	58,203
TMX	14,300	1,300	10.00%	1,300
VE4	25,300	2,300	10.00%	980
L43	5,500	500	10.00%	300
TST	9,900	900	10.00%	100

HOSE TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
DLG	3,190	-240	-7.00%	10,694,300
CIG	8,560	-640	-6.96%	35,500
HMC	24,100	-1,800	-6.95%	412,600
ABS	69,800	-5,200	-6.93%	300,100
HOT	32,900	-2,450	-6.93%	200

HNX TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
MEL	13,100	-1,400	-9.66%	12,800
HTP	19,000	-2,000	-9.52%	21,000
PDC	6,700	-700	-9.46%	400
NAP	9,100	-900	-9.00%	100
SVN	4,100	-400	-8.89%	341,200

HOSE TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
STB	24,200	1,100	4.76%	71,125,700
HQC	3,890	90	2.37%	52,815,500
VPB	55,000	1,800	3.38%	17,660,900
MBB	30,250	650	2.20%	17,389,600
VIX	33,950	-1,100	-3.14%	10,243,700

HNX TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
S99	24,800	700	2.90%	3,068,200
THD	187,100	400	0.21%	982,900
MST	13,400	400	3.08%	860,204
EVS	17,800	800	4.71%	496,700
SVN	4,100	-400	-8.89%	341,200

HOSE TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
STB	24,200	1,100	4.76%	71,125,700
HQC	3,890	90	2.37%	52,815,500
ROS	6,470	-200	-3.00%	34,299,100
FLC	11,050	0	0.00%	23,296,300
VPB	55,000	1,800	3.38%	17,660,900

HNX TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SHB	27,400	200	0.74%	16,572,098
KLF	5,700	100	1.79%	6,442,575
NVB	16,900	-300	-1.74%	5,401,613
SHS	27,300	400	1.49%	4,763,896
PVS	19,900	500	2.58%	4,629,604

(Nguồn: Fiinpro, CSI tổng hợp và tính toán)

DANH MỤC VN30:

STT	Ma CP	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDBQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		tỷ vnđ	*vnđ*	*vnđ*	*%*	*%*	*lần*	*lần*	*cổ phiếu*	ngàn vnđ	*%*
1	BID	162,288	18,998	1,740	0.5%	9.2%	23.20	2.12	2,464,675	40,600	17.45%
2	BVH	42,238	26,961	2,081	1.1%	7.6%	27.35	2.11	1,005,951	57,400	26.33%
3	CTG	147,633	22,778	3,678	1.1%	16.9%	10.78	1.74	10,951,039	39,750	111.65%
4	FPT	63,682	21,150	4,714	9.4%	20.0%	17.12	3.82	2,939,911	80,800	90.69%
5	GAS	155,987	25,307	4,104	12.5%	15.9%	19.86	3.22	1,095,405	81,900	36.80%
6	HDB	42,713	15,428	3,089	1.7%	20.6%	8.68	1.74	5,205,990	26,850	115.59%
7	HPG	186,538	19,933	5,472	11.5%	25.1%	10.29	2.82	22,715,813	56,000	219.87%
8	KDH	19,307	14,544	1,992	8.5%	14.6%	17.34	2.38	2,257,468	34,850	81.76%
9	MBB	82,843	18,372	3,635	1.9%	19.1%	8.14	1.61	16,918,659	30,250	120.17%
10	MSN	115,119	13,568	1,050	1.2%	3.2%	93.29	7.22	2,568,140	99,000	67.81%
11	MWG	67,464	32,740	8,644	8.9%	28.4%	16.42	4.33	1,411,325	140,000	75.47%
12	NVL	130,577	24,191	3,974	3.3%	13.9%	30.58	5.02	3,580,438	128,000	143.79%
13	PDR	35,145	10,936	2,698	8.3%	25.5%	26.76	6.60	3,682,049	71,500	323.98%
14	PLX	60,449	17,015	764	1.6%	4.0%	63.62	2.86	1,502,687	50,000	28.37%
15	PNJ	21,827	25,303	5,198	12.5%	21.8%	18.47	3.79	954,662	95,700	70.22%
16	POW	28,337	12,186	1,010	4.3%	7.8%	11.98	0.99	12,967,090	12,200	22.14%
17	REE	15,762	37,059	5,251	8.1%	14.0%	9.71	1.38	721,073	51,000	68.04%
18	SBT	12,935	12,333	851	3.1%	7.0%	23.80	1.64	4,216,293	20,450	54.67%
19	SSI	20,539	15,188	2,085	4.0%	13.1%	15.25	2.09	11,389,952	32,100	163.67%
20	STB	41,664	16,054	1,423	0.6%	9.6%	16.24	1.44	28,325,820	24,200	169.49%
21	TCB	138,444	22,406	4,074	3.1%	18.4%	9.70	1.76	17,442,305	39,950	133.63%
22	TCH	8,144	13,152	2,504	9.5%	14.2%	8.69	1.65	7,719,759	22,000	12.46%
23	TPB	27,958	17,399	3,770	1.9%	23.5%	7.19	1.56	4,120,581	27,250	90.24%
24	VCB	367,179	25,347	4,975	1.5%	21.1%	19.90	3.91	1,393,020	99,000	48.97%
25	VHM	328,951	26,053	8,166	13.3%	35.6%	12.25	3.84	3,558,345	100,900	56.19%
26	VIC	446,819	23,414	1,586	1.3%	4.3%	83.27	5.64	1,905,169	131,500	42.93%
27	VJC	66,632	28,591	129	0.2%	0.5%	984.21	4.45	1,053,822	126,000	11.60%
28	VNM	200,009	14,975	5,311	23.8%	35.0%	18.02	6.39	3,163,298	93,700	16.20%
29	VPB	130,593	22,811	4,627	2.6%	21.9%	11.50	2.33	8,063,168	55,000	161.90%
30	VRE	69,533	12,895	1,023	6.3%	8.5%	29.92	2.37	6,863,256	31,500	38.46%

(Nguồn: Fiinpro, CSI tổng hợp và tính toán)

LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CSI: csi.research@vncsi.com.vn

Người thực hiện: Lê Văn Thành
Chuyên viên phân tích bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán
Email: thanhlv@vncsi.com.vn

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CSI
Đỗ Bảo Ngọc
Phó Tổng giám đốc & Giám đốc trung tâm nghiên cứu
Email: ngocdb@vncsi.com.vn

Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Lê Văn Thành
Chuyên viên phân tích
Email: thanhlv@vncsi.com.vn

Nguyễn Thị Quỳnh Hương
Chuyên viên Tiếng Trung
Email: huongntq@vncsi.com.vn

Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp

Đinh Hồng Hà
Chuyên viên phân tích cao cấp
Email: hadh.vncsi.com.vn

Vũ Thùy Dương
Chuyên viên phân tích
Email: duongvt@vncsi.com.vn

Nguyễn Phương Linh
Chuyên viên phân tích
Email: linhnp@vncsi.com.vn

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (CSI) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá,

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	>=20%
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến - 20%
BÁN	<= -20%

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (CSI), Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và CSI không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng, Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của CSI, Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào, Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của CSI.

TRỤ SỞ CSI
Tầng 11 Tòa Nhà Diamond Flower, số 48 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: + 84 24 3926 0099 Webiste: https://www.vncsi.com.vn/